

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-PT

Ngày: 21-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Du - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2018/TLPT-HS ngày 24/12/2018 đối với bị cáo Mai Tường K cùng đồng phạm; do kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Mai Tường K, sinh năm 1982 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 6/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Mai Quang L (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; vợ Nguyễn Thị C, sinh năm 1988 và có 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 22/01/1998 bị đưa vào trường giáo dưỡng số 04 theo Quyết định số 188 của UBND tỉnh Lâm Đồng, thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong.

- Ngày 17/12/2004 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù tại bản án hình sự số 08/HSST về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong hình phạt tại trại giam Sông Cái.

- Ngày 15/9/2006 bị công an huyện Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành Cnh số tiền 200.000đ về hành vi đánh nhau.

- Ngày 21/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 15 tháng tù theo bản án số 16/2007/HSST về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tại trại giam Đại Bình.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2018 đến ngày 08/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Mai Quốc C, sinh năm 1995 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: khu phố 5, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Mai Quốc H, sinh năm 1975 và bà Trần Thị N, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 13/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Đ. Có mặt.

3. Phan Ngọc M, sinh năm 1976 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi cư trú: khu phố 2, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không đi học; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn H, sinh năm 1948 và bà Phan Thị L, sinh năm 1951; vợ Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1971 và có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 09/7/1998 bị đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 1348 của UBND tỉnh Ninh Thuận, thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong.

- Ngày 20/10/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 57/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tại Trại giam Sông Cái.

Bị bắt tạm giam ngày 13/01/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Đ. Có mặt.

4. Phạm Văn S, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn L, xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: lớp 9/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); vợ Phạm Thị N, sinh năm 1966 và 03 người con, lớn sinh năm 1986 nhỏ, sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2018 đến ngày 16/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Trong vụ án còn có 19 bị cáo khác không kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/01/2018, Mai Tường K nảy sinh ý định tổ chức cho mọi người khác đánh bạc với hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền để kiếm lời nên K nói với Võ Công X, Chế Phúc K mua bạt và dây thừng, bình ắc quy để làm nơi đánh bạc. Khi có đủ dụng cụ, K nói với Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K và Phan Ngọc M mang bạt và dây thừng lên đồi thông Châu Sơn xã X tìm bãi và căng bạt lên làm lều trại để K gọi người khác lên để đánh xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Sau khi làm xong nơi để đánh bạc thì C, K, X và M quay lại nhà K. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, K đem dụng cụ chén, đĩa, các quân vị đánh xóc đĩa (do K cắt) lên đồi thông Châu Sơn để đánh bạc, K gọi các con bạc lên đánh

bạc. Quá trình chơi, K phân công C, K đi chờ người đến đánh bạc và làm nhiệm vụ cảnh giới, Võ Công X giúp K cho mọi người vay tiền tại xòng bạc, K làm hồ lý và cùng D thu tiền xâu, xóc cái và tham gia đặt tiền để đánh bạc. Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, Công an huyện Đ đã bắt quả tang Mai Tường K, Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M, Nguyễn Văn D, Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Văn S, Vũ Văn M1, Nguyễn Đăng D1, Hoàng Minh T1, Nguyễn Văn Th, Trương L, Nguyễn Thị Duy D1, Lộc Chạc M, Phan Thị H, Phạm Hải Đ, Lương Minh T, Nguyễn Hải Q, Phạm Thị Ch, Trương Viết D2, Phan Ngọc V đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại đồi thông Châu Sơn, xã X. Thu giữ tại chiếu bạc 01 chén, 01 đĩa, 02 tấm bạt màu xanh, 01 cái kéo, 01 bình ắc quy, 04 con vị, 01 sợi dây thừng, bóng đèn và dây điện, số tiền 19.300.000đ. Thu giữ số tiền trên người của Võ Công X 32.000.000đ, Phạm Văn S 9.300.000đ. Quá trình điều tra xác định, số tiền thu giữ của Võ Thị Thu H 8.030.000đ, của Vũ Văn M1 2.000.000đ, của Lộc Chạc M 2.000.000đ, của Lương Minh T 1.400.000đ, Trương Viết D2 3.000.000đ, của Phạm Thị Ch 100.000đ, của Mai Tường K 10.000.000đ nộp lại là tiền cho D vay để đánh bạc, D đã trả lại cho K, ngoài ra số tiền 10.000.000đ là số tiền Th vay của X để đánh bạc. Khi công an bắt, Th đánh thua 1.000.000đ, còn 9.000.000đ cầm bỏ chạy, sau đó đã trả cho X 10.000.000đ. Như vậy tổng số tiền đánh bạc là 96.130.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc xát phạt nhau bằng tiền tại đồi thông Châu Sơn vào tối ngày 13/01/2017 bằng hình thức đánh xóc đĩa thắng thua bằng tiền.

Bị cáo Mai Tường K khai nhận: Vào sáng ngày 13/01/2018, khi gặp các bị cáo Võ Công X, Mai Quốc C, Chế Phúc K, Phan Ngọc M tại quán cà phê, bị cáo đã nảy sinh ý định tổ chức sòng bạc tại đồi thông Châu Sơn sau đó gọi các con bạc đến tham gia sát phạt nhau bằng tiền nhằm thu lời bất Cnh. Bị cáo là người phân công vai trò cho các bị cáo Võ Công X, Mai Quốc C, Chế Phúc K, Phan Ngọc M giúp bị cáo chuẩn bị công cụ, bãi để tổ chức sòng bạc. Khi sòng bạc diễn ra, bị cáo phân công cho X, C, K đứng ngoài làm nhiệm vụ chỉ đường cho các con bạc vào sòng bạc, dùng xe máy chở các con bạc vào sòng bạc, cảnh giới, ngoài ra bị cáo còn sử dụng tiền để cho các con bạc vay tiền tham gia đánh bạc. Mục đích chính của bị cáo và đồng bọn mở sòng bạc là để thu lợi từ tiền xâu thu được nhưng khi cơ quan công an ập vào bắt quả tang thì tiền xâu được để tại chiếu bạc đã bị thu giữ nên bị cáo không xác định được số tiền thu lợi bất chính cụ thể là bao nhiêu. Bị cáo thống nhất tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc là 96.130.000đ.

Các bị cáo Võ Công X, Mai Quốc C, Chế Phúc K, Phan Ngọc M, Nguyễn Văn D xác định lời khai của bị cáo K là hoàn toàn đúng. Các bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm trong việc giúp sức cho bị cáo K tổ chức sòng bạc. Trong đó, bị cáo X là người đi mua công cụ, X sử dụng xe mô tô của K chở K đi mua dây thừng, tiếp tục chở M đi mua bình ắc quy, X tiếp tục đi mua bóng đèn và dây điện. Sau khi đã chuẩn bị xong công cụ, X sử dụng xe mô tô chở K cùng tấm bạt và dây thừng, còn C sử dụng xe mô tô của K chở Phan Ngọc V và Nguyễn Văn D đến đồi thông Châu Sơn tìm địa điểm trải bạt phục vụ việc đánh

bạc. Bị cáo X còn được K giao nhiệm vụ giữ tiền dùm cho K để đưa cho một số người vay tại sòng bạc rồi ghi vào sổ để theo dõi. Bị cáo D phụ giúp K thu gom tiền xâu tại sòng bạc. Các bị cáo X, C, K, M khi tham gia phụ giúp K tổ chức sòng bạc thì được K hứa sẽ trả tiền công 400.000đ/ngày, riêng bị cáo D thì K nói giúp K làm và hứa sẽ cho tiền uống cà phê nhưng không nói cụ thể sẽ cho bao nhiêu tiền. Các bị cáo đều chưa được nhận tiền công vì khi công an ập đến tiền xâu thu được để tại chiếu bạc và đã bị thu giữ. Đến nay, bị cáo Võ Công X đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000đ do bị cáo Nguyễn Văn Th vay tại sòng bạc sau đó đã trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo tham gia trực tiếp sát phạt nhau bằng tiền tại sòng bạc do bị cáo K cùng các đồng phạm tổ chức khai nhân như sau:

Bị cáo Võ Thị Thu H khai nhận: Bị cáo mang theo 590.000đ và mượn của K hai lần với số tiền 10.000.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt nhiều ván, đánh thắng đã trả lại 10.000.000đ cho K. Khi đang tiếp tục đánh thì bị Công an ập vào bắt quả tang. Bị tạm giữ số tiền 28.030.000đ, trong đó có 20.000.000đ là tiền huê không sử dụng vào việc đánh bạc.

Bị cáo Trịnh Công D khai nhận: Bị cáo mang theo 800.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 4-5 ván, thua hết, mượn của K 10.000.000đ để tiếp tục đánh bạc thì Công an ập vào bắt, bị cáo bỏ chạy và cầm tiền đi về nhà. Khoảng một tháng sau, bị cáo mang số tiền 10.000.000đ trả cho bà Nguyễn Thị C là vợ của bị cáo K, đến ngày 14/01/2018 bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú.

Bị cáo Phạm Văn S khai nhận: Bị cáo mang theo 10.000.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 3-4 ván, đánh thua 700.000đ. Khi đang tiếp tục đánh thì bị Công an bắt quả tang, bị tạm giữ 9.300.000đ.

Bị cáo Vũ Văn M1 khai nhận: Bị cáo mang theo 1.200.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt nhiều ván thua hết, mượn của K 5.000.000đ đánh tiếp bị thua 3.000.000đ còn lại 2.000.000đ không đánh nữa đang ngồi chơi thì Công an ập vào bắt, đã bỏ chạy, đến ngày 14/01/2018 đã đến Công an huyện Đ đầu thú và bị tạm giữ số tiền 2.000.000đ tiền sử dụng đánh bạc.

Bị cáo Nguyễn Đăng D1 khai nhận: Bị cáo không mang theo tiền, mượn của K 15.000.000đ để sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng khi đến gặp K ở sòng bạc lấy tiền thì đã sử dụng 1.000.000đ để đánh bạc, đặt 02 ván mỗi ván 500.000đ thua cả 02 ván thì không đánh nữa và đi về nhà, đến ngày 14/01/2018 bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú.

Bị cáo Hoàng Minh T1 khai nhận: Bị cáo mang theo 500.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 5-6 ván thua hết, ngồi xem thì Công an ập vào bắt nhưng bỏ chạy, đến ngày 14/01/2018 bị cáo đã đến Công an huyện Đ đầu thú.

Bị cáo Nguyễn Văn Th khai nhận: Bị cáo mang theo 240.000đ, sử dụng 200.000đ để đánh bạc, đặt 01 ván thua hết, mượn của K 10.000.000đ đánh tiếp bị thua 1.000.000đ còn lại 9.000.000đ chuẩn bị chơi tiếp thì Công an ập vào bắt nhưng bỏ chạy, trên đường bỏ chạy đã vứt hết tiền (không xác định được vị trí

vút). Khoảng một tháng sau, bị cáo mang số tiền 10.000.000đ trả cho Võ Công X và đến công an đầu thú.

Bị cáo Trương L khai nhận: Bị cáo mang theo 450.000đ sử dụng 300.000đ để đánh bạc, đặt 6-7 ván thua hết, còn lại 150.000đ không đánh nữa, ngồi xem thì Công an ập vào bắt quả tang. Bị tạm giữ số tiền 150.000.

Bị cáo Nguyễn Thị Duy D1 khai nhận: Bị cáo mang theo 1.500.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt nhiều ván thua hết, ngồi xem thì Công an ập vào bắt quả tang nhưng bỏ chạy, đến ngày 14/01/2018 đã đến Công an đầu thú.

Bị cáo Lộc Chạc M: Mang theo 2.500.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 01 ván 500.000đ thua, chuẩn bị chơi tiếp thì Công an ập vào bắt quả tang. Bị tạm giữ 2.000.000đ.

Bị cáo Phan Thị H: Mang theo 1.000.000đ sử dụng 400.000đ để đánh bạc, đặt 02 ván thua hết, ngồi xem thì Công an ập vào bắt nhưng bỏ chạy, đến ngày 15/01/2018 đã đến Công an đầu thú.

Bị cáo Phạm Hải Đ: Mang theo 1.000.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt nhiều ván thua hết, sau đó được bị cáo Trịnh Công D trả nợ số tiền 500.000đ nên tiếp tục đánh và thua hết, ngồi xem thì Công an ập vào bắt nhưng bỏ chạy, đến ngày 15/01/2018 đã đến công an đầu thú.

Bị cáo Lương Minh T: Mang theo 1.200.000đ, sử dụng để đánh bạc, vừa xóc cái vừa đặt nhiều ván, thắng 200.000đ, đang chơi thì Công an ập vào bắt quả tang. Bị tạm giữ số tiền 1.400.000đ.

Bị cáo Nguyễn Hải Q: Mang theo 400.000đ sử dụng 300.000đ để đánh bạc, đặt 5-7 ván thua hết, còn 100.000đ không đánh nữa đang ngồi chơi thì Công an ập vào bắt quả tang. Bị tạm giữ số tiền 100.000đ.

Bị cáo Phạm Thị Ch khai nhận: Khi đến sòng bạc, bị cáo không mang theo tiền, nhưng đặt theo bị cáo Phan Thị H 02 ván mỗi ván 50.000đ thua cả 02 ván. Khi bị bắt thì bỏ chạy, đến ngày 15/01/2018 bị cáo bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Bị tạm giữ số tiền 100.000đ.

Bị cáo Trương Viết D2 khai nhận: Khi đến sòng bạc, bị cáo không mang theo tiền, mượn của K 5.000.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 04 ván mỗi ván 500.000đ thua cả 04 ván hết 2.000.000đ thì không đánh nữa và cầm theo 3.000.000đ đi về, đến ngày 19/01/2018 đã đến Công an đầu thú và bị tạm giữ số tiền 3.000.000đ.

Bị cáo Phan Ngọc V khai nhận: Bị cáo mang theo 300.000đ sử dụng để đánh bạc, đặt 02 ván (01 ván 100.000đ, 01 ván 200.000đ), thua cả 02 ván, ngồi xem thì bị bắt nhưng bỏ chạy, đến ngày 13/02/2018 đã đến Công an đầu thú.

Tại bản Cáo trạng số 25/KSĐT ngày 09 tháng 7 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Mai Tường K, Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M, Nguyễn Văn D về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Văn S, Vũ Văn M1, Nguyễn Đăng D1, Hoàng Minh T1,

Nguyễn Văn Th, Trương L, Nguyễn Thị Duy D1, Lộc Chạc M, Phan Thị H, Phạm Hải Đ, Lương Minh T, Nguyễn Hải Q, Phạm Thị Ch, Trương Viết D2, Phan Ngọc V về tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án số 52/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Tuyên bố bị cáo Mai Tường K, Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M, Nguyễn Văn D phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Văn S, Vũ Văn M1, Nguyễn Đăng D1, Hoàng Minh T1, Nguyễn Văn Th, Trương L, Nguyễn Thị Duy D1, Lộc Chạc M, Phan Thị H, Phạm Hải Đ, Lương Minh T, Nguyễn Hải Q, Phạm Thị Ch, Trương Viết D2, Phan Ngọc V phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

1. Áp dụng điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Mai Tường K 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 13/01/2018 đến ngày 08/6/2018); Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

2. Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Mai Quốc C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 13/01/2018.

3. Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Chế Phúc K 15 (mười lăm) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 13/01/2018.

4. Áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Ngọc M 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 13/01/2018.

5. Áp dụng điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

6. Áp dụng điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Công X 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

7. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Xử phạt bị cáo Lương Minh T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày

13/01/2018 đến ngày 19/01/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

8. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 13/01/2018 đến ngày 16/01/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

9. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Thị Thu H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

10. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trịnh Công D 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/9/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

11. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Hải Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

12. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương Viết D2 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

13. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Vũ Văn M1 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

14. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ch 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

15. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng D1 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

16. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Minh T1 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

17. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

18. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trương L 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

19. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Duy D1 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

20. Áp dụng điểm b Kkhoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lộc Chạc M 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

21. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Thị H 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

22. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Q 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

23. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Ngọc V 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018); Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D, Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Vũ Văn M1, Hoàng Minh T1, Nguyễn Văn Th, Trương L, Lộc Chạc M, Phạm Hải Đ,

Nguyễn Hải Q, Phan Ngọc V, Nguyễn Thị Duy D1 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Trương Viết D2, Nguyễn Đăng D1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Võ Công X cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Giao các bị cáo Phan Thị H, Phạm Thị Ch cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/12/2018 bị cáo Mai Tường K kháng cáo X giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/11/2018 bị cáo Phạm Văn S kháng cáo X hưởng án treo, đã nộp 10.000.000đ tiền phạt bổ sung.

Ngày 10/12/2018 bị cáo Phan Ngọc M, Mai Quốc C kháng cáo X giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo Mai Tường K, Phạm Văn S giữ nguyên kháng cáo, các bị cáo Phan Ngọc M, Mai Quốc C rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Phan Ngọc M, Mai Quốc C. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Tường K, giữ nguyên án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của Phạm Văn S, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Ngọc M, Mai Quốc C rút kháng cáo nên căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 13/01/2018, Mai Tường K, Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M và Nguyễn Văn D tổ chức việc đánh

bạc trái phép cho các bị cáo Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Văn S, Vũ Văn M1, Nguyễn Đăng D1, Hoàng Minh T1, Nguyễn Văn Th, Trương L, Nguyễn Thị Duy D1, Lộc Chạc M, Phan Thị H, Phạm Hải Đ, Lương Minh T, Nguyễn Hải Q, Phạm Thị Ch, Trương Viết D2, Phan Ngọc V sát phạt nhau bằng tiền tại đồi thông Châu Sơn, xã X, huyện Đ. Các bị cáo tham gia đánh bạc với hình thức đánh xóc đĩa, đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang, số tiền tang thu tại chiều bạc là 19.300.000đ, thu giữ trên người các bị cáo số tiền mang theo sử dụng đánh bạc là 76.830.000đ; tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc Cơ quan Điều tra chứng minh được là 96.130.000đ.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Mai Tường K, Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M và Nguyễn Văn D phạm tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015; Các bị cáo Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Văn S, Vũ Văn M1, Nguyễn Đăng D1, Hoàng Minh T1, Nguyễn Văn Th, Trương L, Nguyễn Thị Duy D1, Lộc Chạc M, Phan Thị H, Phạm Hải Đ, Lương Minh T, Nguyễn Hải Q, Phạm Thị Ch, Trương Viết D2, Phan Ngọc V đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Mai Tường K, Phạm Văn S: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn và đúng quy định nên được xem xét.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh trật tự địa phương, hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, với động cơ sát phạt lẫn nhau thắng thua bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau.

Bị cáo Mai Tường K là người đứng ra tổ chức sòng bạc, cho các con bạc vay tiền để tham gia sát phạt nhau nhằm mục đích thu tiền xâu để hưởng lợi bất Cnh. Bị cáo K phân công các bị cáo Mai Quốc C, Võ Công X, Chế Phúc K, Phan Ngọc M và Nguyễn Văn D giúp sức cho K tổ chức sòng bạc như chuẩn bị công cụ, lều trại, bãi, chỉ đường chở các con bạc đến sòng bạc, giúp K thu tiền xâu, cảnh giới.

Cấp sơ thẩm xem xét nhân thân bị cáo K đã thành khẩn khai báo, đánh giá đúng vai trò cũng như tính chất của vụ án, xử phạt bị cáo K hình phạt như trên là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo.

Đối với bị cáo Phạm Văn S tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm, sử dụng số tiền 10.000.000đ để đánh bạc, mức độ tham gia cũng như một số bị cáo khác, các bị cáo khác như Võ Thị Thu H, Trịnh Công D, Phạm Hải Đ, Trương Viết D2 là những người đã từng bị xử phạt, xử lý vi phạm hành Cnh nhưng cho hưởng án treo, trong khi bị cáo Sơn có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật bị xử tù giam là phân hóa vai trò không phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Sơn xuất trình biên lai đã nộp xong tiền phạt và xác nhận của địa phương là lao động chính trong gia đình.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có khả năng tự cải tạo. Do đó, không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Mai Tường K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Mai Quốc C, Phan Ngọc M. Phần quyết định hình phạt của bản án số 52/2018/HSST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đối với bị cáo Mai Quốc C, Phan Ngọc M có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Tường K; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn S, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Mai Tường K phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

1. Căn cứ điểm a, d khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Mai Tường K 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 13/01/2018 đến ngày 08/6/2018);

Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/01/2019);

Phạt bổ sung 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước (đã nộp theo biên lai thu số 01873 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Giao bị cáo Phạm Văn S cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Cơ quan quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội. Buộc bị cáo Mai Tường K phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Phạm Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đ;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Minh Dũng

